

Số: /BC-SNV Bình Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công
cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 tỉnh Bình Phước

Ngày 02/4/2024, tại Hà Nội, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng (CECODES) công bố Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) 2023 ở Việt Nam.

Căn cứ kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023. Sở Nội vụ báo cáo kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023 của tỉnh, như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CẤP TỈNH

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (sau đây gọi là *Chỉ số PAPI*) là sản phẩm của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam.

Chỉ số PAPI là công cụ phản ánh tiếng nói người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp. Chỉ số PAPI, gồm: 08 Chỉ số lĩnh vực nội dung, 29 Chỉ số nội dung thành phần và hơn 120 chỉ tiêu thành phần với hơn 500 câu hỏi liên quan nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam về hiệu quả quản trị và hành chính công của 63 tỉnh/thành phố.

Mục tiêu của Chỉ số PAPI nhằm góp phần cải thiện chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức công, đảm bảo quyền căn bản của con người, nhất là quyền được bày tỏ chính kiến, tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ công căn bản có chất lượng.

Năm 2023, có 19.536 người dân trên cả nước đã tham gia thực hiện khảo sát PAPI, chia sẻ đánh giá về hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền. Trong đó, tại tỉnh Bình Phước đã tiến hành khảo sát 248 người dân tại 12 thôn, ấp, khu phố của 06 xã, phường thuộc thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành và huyện Bù Gia Mập.

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2023 CỦA TỈNH

Theo kết quả công bố ngày 02/4/2024 tại Hà Nội, Chỉ số PAPI năm 2023 của tỉnh đạt 39,953/80 điểm (*tăng 0,018 điểm*) đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố, giảm 01 bậc so với năm 2022. Trong đó: 03/8 Chỉ số nội dung có thứ hạng tăng (*Trách nhiệm giải trình với người dân; cung ứng dịch vụ công và quản trị môi trường*); 02/8 Chỉ số nội dung giữ thứ hạng (*Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công và thủ tục hành chính công*) và 03/8 Chỉ số nội dung có thứ hạng giảm (*Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch trong việc ra quyết định và quản trị điện tử*).

Như vậy, Chỉ số PAPI năm 2023 của tỉnh tăng nhưng thứ hạng giảm so với các tỉnh, thành phố. Cụ thể Chỉ số từng nội dung, như sau:

1. Chỉ số nội dung có thứ hạng tăng (03 Chỉ số)

1.1. Chỉ số nội dung trách nhiệm giải trình với người dân

Đạt 4,188/10 điểm (*tăng 0,186 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước, đứng thứ 41/63 tỉnh, thành phố (*tăng 16 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường hiệu quả của các cuộc tiếp xúc công dân của các cấp chính quyền; tính chủ động của công dân và chính quyền trong việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đánh giá mức độ tin tưởng của người dân vào tòa án và cơ quan tư pháp địa phương, việc tiếp cận tòa án hoặc các cơ chế phi tòa án khi người dân cần giải quyết các tranh chấp dân sự. Chỉ số nội dung này được đánh giá tổng hợp kết quả khảo sát của 03 Chỉ số thành phần: (1) tương tác với các cấp chính quyền; (2) giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân và (3) tiếp cận dịch vụ tư pháp.

Trong đó: Chỉ số thành phần mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 58/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần tiếp cận dịch vụ tư pháp đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 51/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân đứng thứ 44/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố*);

Theo kết quả khảo sát: Trên 30% số người được hỏi trả lời đã liên hệ trường thôn, ấp, khu phố để giải quyết khúc mắc; 20% số người được hỏi trả lời đã liên hệ cán bộ UBND xã, phường, thị trấn để giải quyết khúc mắc và trên 4% trả lời đã liên hệ cán bộ HĐND xã, phường, thị trấn để giải quyết khúc mắc. Bên cạnh đó, trên 70% người được hỏi trả lời cho biết họ sẽ sử dụng tòa án địa phương khi cần giải quyết tranh chấp dân sự và chỉ có trên 8% người được hỏi trả lời cho biết họ sẽ sử dụng các cơ chế phi tòa án để giải quyết tranh chấp dân sự.

Như vậy, từ kết quả khảo sát cho thấy, khi có khúc mắc, người dân có xu hướng tiếp cận trường thôn, ấp, khu phố. Bên cạnh đó, khi có khúc mắc, người dân có xu hướng tiếp cận cán bộ, công chức UBND xã, phường, thị trấn hơn đại biểu dân cử của họ ở HĐND xã, phường, thị trấn. Hơn thế nữa, các cơ chế giải quyết tranh

chấp dân sự phi tòa án chưa được người dân tin tưởng, tỷ lệ người trả lời cho biết họ sẽ giải quyết tranh chấp dân sự ở tòa án địa phương cao hơn so với tỷ lệ người lựa chọn giải quyết qua các thiết chế phi tòa án, ví dụ như qua các tổ hòa giải.

1.2. Chỉ số nội dung cung ứng dịch vụ công

Đạt 7,324/10 điểm (*tăng 0,911 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp, đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố (*tăng 24 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 04 dịch vụ công căn bản cho người dân, gồm: (1) Y tế công lập; (2) giáo dục tiểu học công lập; (3) cơ sở hạ tầng căn bản; (4) an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư. Thông qua khảo sát người dân chia sẻ trải nghiệm về mức độ thuận tiện khi sử dụng dịch vụ công, chất lượng và mức độ sẵn có của các dịch vụ công căn bản ở địa phương.

Từ kết quả cho thấy, Chỉ số nội dung này có điểm số và thứ hạng đều tăng mạnh so với năm 2022. Trong đó, 02 Chỉ số thành phần tăng cao gồm: Chỉ số thành phần dịch vụ giáo dục tiểu học công lập đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 63/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần cơ sở hạ tầng căn bản đứng thứ 46/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 51/63 tỉnh, thành phố*). Tuy nhiên, vẫn còn 02 Chỉ số thành phần thứ hạng còn thấp so với các tỉnh, thành phố, gồm: Chỉ số thành phần dịch vụ y tế công lập (*đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư (*đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Người dân ngày càng hài lòng về chất lượng giáo dục tiểu học công lập, cụ thể về: Lớp học kiên cố, nhà vệ sinh sạch sẽ, học sinh có nước uống ở trường, lớp học dưới 36 học sinh, giáo viên không ưu ái học sinh học thêm, phụ huynh thường xuyên nhận được phản hồi, nhà trường công khai thu chi với phụ huynh học sinh. Có 17,21% người được hỏi cho biết hộ gia đình không bị cắt/cúp điện trong 12 tháng qua; trên 20% người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính. Tuy nhiên, vẫn còn 1,19% người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước chưa hợp vệ sinh; đánh giá của người dân về chất lượng bệnh viện công lập tuyến huyện chưa cao, như: Người bệnh có phải nằm chung giường, phòng bệnh có quạt máy, nhà vệ sinh sạch sẽ, cán bộ y tế trực thường xuyên, thái độ phục vụ bệnh nhân tốt, chi phí khám chữa bệnh hợp lý, không phải chờ đợi quá lâu, hài lòng với dịch vụ y tế tại bệnh viện; về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư theo đánh giá của người dân, tại tỉnh vẫn còn người dân là nạn nhân của tội phạm an ninh, trật tự khu dân cư.

1.3. Chỉ số nội dung quản trị môi trường

Đạt 2,995/10 điểm (*tăng 0,093 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố (*tăng 04 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 03 dịch vụ công, gồm: (1) Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường, (2) chất lượng không khí và (3) chất lượng nước. Nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về những vấn đề

môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe con người. Các chỉ tiêu đánh giá hiện nay bao gồm: Tỷ lệ người trả lời cho biết về chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt nơi cư trú. Bên cạnh đó, là chỉ tiêu phản ánh phát hiện của người dân về hiện tượng dự án hoặc doanh nghiệp đầu tư vào địa phương có trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường bằng cách “chung chi” với chính quyền địa phương hay không. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới nhiều xung đột, mâu thuẫn giữa người dân và doanh nghiệp hoặc nhà nước xung quanh vấn đề môi trường trong những năm gần đây. Những chỉ tiêu đánh giá này giúp các cấp chính quyền hiểu rõ hơn mối quan ngại về môi trường của người dân qua thời gian, đồng thời xác định những “điểm nóng” về môi trường và tìm các giải pháp xử lý kịp thời.

Từ kết quả cho thấy, Chỉ số nội dung này có điểm số và thứ hạng tăng so với năm 2022. Tuy nhiên, tăng chậm so với các tỉnh, thành phố; các Chỉ số thành phần chưa cao, cụ thể: Chỉ số thành phần chất lượng nước đứng thứ 52/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần chất lượng không khí đứng thứ 53/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 63/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần nghiêm túc trong bảo vệ môi trường đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Chỉ có khoảng trên 40% người trả lời đồng ý với nhận định “Doanh nghiệp hoạt động tại địa phương không đưa “lót tay” để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường”; 59,27% người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá; 78,15% người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố vấn đề môi trường ở địa phương. Trong đó, 59,93% số người trả lời cho biết cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố về vấn đề môi trường sau khi tiếp nhận phản ánh của người dân. Về chất lượng không khí được người dân đánh giá cải thiện, đã có 90,79% người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt và 29,84% người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước. Bên cạnh đó, chỉ có 1,76% người trả lời nước từ sông, suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ và 4,01% người trả lời nước từ sông, suối gần nhà đủ sạch để bơi lội.

Việc thiếu nghiêm túc trong thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương và chất lượng nguồn nước sinh hoạt, chất lượng không khí là lý do chính dẫn tới Chỉ số ở nội dung này của tỉnh còn thấp và từ kết quả Chỉ số cho thấy mối lo ngại về vấn đề môi trường, chất lượng nguồn nước sinh hoạt, chất lượng không khí của người dân qua thời gian.

2. Chỉ số nội dung có thứ hạng giữ nguyên (02 Chỉ số)

2.1. Chỉ số nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Đạt 6,11/10 điểm (*tăng 0,14 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước, đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (*giữ thứ hạng so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của các cấp chính quyền. Đồng thời, Chỉ số cũng phản ánh mức độ chịu đựng tham nhũng của người dân cũng như sự quyết tâm giảm thiểu tham nhũng của chính quyền và người dân qua 04 Chỉ số thành phần, gồm: (1) Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương; (2) kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; (3) công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công và (4) quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương.

Nhìn chung các Chỉ số thành phần tại nội dung này người dân đánh giá chưa cao so với các tỉnh, thành phố dẫn đến thứ hạng vẫn đứng ở vị trí thấp so với các tỉnh, thành phố, cụ thể: Chỉ số thành phần quyết tâm chống tham nhũng đã có những cải thiện và đứng thứ 41/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 58/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: 98,24% người dân được hỏi cho biết không bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua; 37,92% người dân cho biết chính quyền tỉnh đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng. Tuy nhiên, vẫn còn người dân nhận định khi muốn xin vào làm việc vào khu vực nhà nước phải dựa vào mối quan hệ thân quen; 63,71% số người trả lời khi làm TTHC xin cấp mới hoặc cấp đổi GCNQSD đất đã phải “chung chi” để làm xong thủ tục và 56,22% số người trả lời khi sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở bệnh viện công tuyến huyện đã phải “chung chi”.

2.2. Chỉ số nội dung thủ tục hành chính công

Đạt 7,03/10 điểm (*giảm 0,048 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố (*giữ thứ hạng so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở những lĩnh vực cần thiết nhất cho đời sống của người dân, bao gồm: (1) Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cơ sở; (2) dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (3) dịch vụ hành chính công cấp xã. Qua các chỉ tiêu đánh giá, các cấp chính quyền có thể đánh giá mức độ chuyên nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu của người dân đối với dịch vụ hành chính công.

Trong đó, 02 Chỉ số thành phần có thứ hạng tăng so với năm 2022, gồm: Chỉ số thành phần dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền đứng thứ 33/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người dân đánh giá thấp đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố*) và 01 Chỉ số thành phần giảm so với năm 2022 là Chỉ số thành phần dịch vụ hành chính cấp xã đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 09/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: 94,34% số người được hỏi cho biết đi làm thủ tục cấp xã không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong thủ tục; 64,71% số người được hỏi cho biết đi làm thủ tục liên quan đến GCNQSD đất không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong thủ tục; dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã được đánh giá cao. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát vẫn còn người trả lời chưa hài lòng với về chất lượng dịch vụ hành chính cấp xã và dịch vụ hành chính liên quan đến GCSQSD đất ở cấp huyện.

3. Chỉ số nội dung có thứ hạng giảm (03 Chỉ số)

3.1. Chỉ số nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Đạt 4,528/10 điểm (*giảm 0,499 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước, đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố (*giảm 18 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường tri thức công dân về quyền tham gia và mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để người dân thực hành tốt nhất quyền tham gia đó theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và được đánh giá, tổng hợp kết quả khảo sát của 04 Chỉ số thành phần, gồm: (1) Tri thức công dân; cơ hội tham gia; (2) chất lượng bầu cử và (3) đóng góp tự nguyện của người dân ở cơ sở.

Chỉ số nội dung này có điểm số và thứ hạng đều giảm so với năm 2022. Trong đó: Chỉ số thành phần chất lượng bầu cử được người dân đánh giá cao, đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 20/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần tri thức công dân đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 23/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần cơ hội tham gia đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần đóng góp tự nguyện của người dân ở cơ sở đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Trên 60% số người trả lời biết đến một số chính sách, pháp luật liên quan đến người dân năm 2023; chỉ số trên 20% người dân trả lời biết đến Luật Thực hiện dân chủ cơ sở; 79,21% số người trả lời cho biết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do dân bầu; trên 30% người dân trả lời đã tham gia đóng góp ý kiến cho dự án xây mới, tu sửa công trình công cộng ở địa phương; trên 15% người trả lời cho biết Ban giám sát đầu tư của cộng đồng đã giám sát việc thực hiện dự án xây mới, tu sửa công trình công cộng ở địa phương.

Từ kết quả cho thấy, năm 2023 người dân tham gia chủ động và tích cực vào công tác bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều người dân chưa biết đến những văn bản pháp luật quan trọng như Luật Tiếp cận thông tin và Luật Phòng, chống tham nhũng; nhiều dự án xây mới hoặc tu sửa công trình công cộng chưa có sự tham gia giám sát đầy đủ của người dân (*theo khảo sát đạt 34,53%*) và hiệu quả huy động sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định và giám sát việc thực hiện các dự án công trình công cộng chưa cao (*theo khảo sát đạt 18%*).

3.2. Chỉ số nội dung công khai, minh bạch trong việc ra quyết định

Đạt 4,563/10 điểm (*giảm 0,581 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước, đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố (*giảm 19 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường hiệu quả của chính quyền các cấp trong việc công khai hóa, minh bạch hóa thông tin nhằm đáp ứng “quyền được biết” của người dân về những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đời sống và sinh kế của họ và được đánh giá, tổng hợp kết quả khảo sát ở 04 Chỉ số thành phần: (1) Tiếp cận thông tin; (2) công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; (3) công khai, minh bạch ngân sách cấp xã và (4) công khai kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất. Đây là những lĩnh vực chính quyền các cấp phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Tiếp cận thông tin, nhằm đảm bảo quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Chỉ số nội dung này có điểm số và thứ hạng đều giảm so với năm 2022. Trong đó: Chỉ số thành phần tiếp cận thông tin vẫn được đánh giá cao đứng thứ 17/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố*). 03/04 Chỉ số thành phần người dân đánh giá thấp và giảm so với năm 2022, gồm: Chỉ số thành phần công khai danh sách hộ nghèo đứng thứ 53/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần công khai thu chi ngân sách cấp xã đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần công khai kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: 100% người trả lời cho biết không phải trả chi phí không chính thức mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương và không phải chờ đợi quá lâu mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương; 100% người trả lời cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới và đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu. Bên cạnh đó, mức độ tin tưởng của người dân vào việc lập danh sách hộ nghèo còn thấp, có 50,21% người được hỏi cho biết có hộ thực sự nghèo nhưng không được liệt kê vào danh sách hộ nghèo và trên 45,51% số người được hỏi cho biết nhiều hộ không nghèo nhưng lại được liệt kê trong danh sách hộ nghèo. Tiếp cận thông tin đất đai của người dân còn rất hạn chế, chỉ có 11,16% số người được hỏi biết đến kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; chỉ có 11,21% số người được hỏi cho biết giá bồi thường cho phần đất bị thu hồi sát với giá giao dịch đất trên thị trường.

3.3. Chỉ số nội dung quản trị điện tử

Đạt 3,215/10 điểm (*giảm 0,183 điểm so với năm 2022*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước, đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố (*giảm 20 bậc so với năm 2022*).

Chỉ số được đo lường ở 03 Chỉ số thành phần, gồm: (1) Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương; (2) tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương và (3) phúc đáp qua công thông tin điện tử. Chỉ số cho biết đánh giá của người dân ở các khía cạnh mang tính tương tác của chính phủ điện tử: Mức độ sẵn có, khả năng sử dụng dịch vụ và đáp ứng dịch vụ công trực tuyến. Các tiêu chí cấu thành Chỉ số nội dung này giúp cung cấp thông tin về độ sẵn có của công thông tin điện tử của chính quyền địa phương, mức độ tiếp cận thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách mà người dân cần tuân thủ và điều kiện sử dụng Internet của người dân để người dân tham gia quản trị điện tử. Những dữ liệu cơ sở giúp các cấp chính quyền xem xét điều kiện khả thi cho việc phát triển chính quyền điện tử, hướng tới xây dựng chính quyền chủ động tương tác với người dân qua nền tảng Internet trong cả ba khâu: xây dựng, thực thi và giám sát thực thi chính sách.

Chỉ số tại nội dung này mặc dù điểm số và thứ hạng đều giảm so với năm 2022, nhưng vẫn nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước. Trong đó, Chỉ số thành phần sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương được đánh giá cao và đứng thứ 08/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 38/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần phúc đáp qua công thông tin điện tử đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố (*năm 2022 đứng thứ 04/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Trên 70% người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà; trên 50% người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet; 22,33% người dân trả lời biết công thông tin điện tử của tỉnh và dễ sử dụng. Tuy nhiên, chỉ có 3,93% người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm TTHC do cấp xã, phường; 13,89% người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến của địa phương và 32,61% người trả lời cho biết đã có thể thanh toán trực tuyến trên công dịch vụ công của địa phương.

III. NHẬN XÉT CHUNG

Trong năm qua công tác cải cách hành chính Nhà nước được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện. UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, như: Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề về cải cách hành chính ... Bên cạnh đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI; tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, hài lòng, thúc đẩy thành phần kinh tế tư nhân phát triển; tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch các thông tin, quy trình, TTHC cho người dân biết cùng chung tay thực hiện; làm tốt công tác dân vận chính quyền, giải quyết tốt mối quan hệ “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”, tôn trọng người dân, tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền. Từ kết quả Chỉ số cho thấy, một số Chỉ

số nội dung tăng so với năm 2022, cụ thể: Chỉ số nội dung trách nhiệm giải trình với người dân (*tăng 16 bậc so với năm 2022*); Chỉ số nội dung cung ứng dịch vụ công đứng (*tăng 24 bậc so với năm 2022*); Chỉ số nội dung quản trị môi trường đứng thứ (*tăng 04 bậc so với năm 2022*). Một số Chỉ số thành phần có thứ hạng cao, đứng trong nhóm 20 tỉnh, thành phố, như: Chỉ số thành phần dịch vụ giáo dục tiểu học công lập đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần chất lượng bầu cử đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần tiếp cận thông tin đứng thứ 17/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương đứng thứ 8/63 tỉnh, thành phố và Chỉ số thành phần phúc đáp qua công thông tin điện tử đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố.

Mặc dù được quan tâm triển khai thực hiện và kết quả Chỉ số PAPI năm 2023 của tỉnh tăng so với năm 2022 nhưng tăng chậm so với các tỉnh, thành phố dẫn thứ hạng giảm và đứng ở vị trí thấp so với các tỉnh, thành phố. Còn 05/08 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, gồm: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; TTHC công và quản trị môi trường; 03/08 Chỉ số nội dung có thứ hạng giảm (*Chỉ số nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở, Chỉ số nội dung công khai, minh bạch trong việc ra quyết định, Chỉ số nội dung quản trị điện tử*); một số Chỉ số thành phần có thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành phố, như: Chỉ số thành phần dịch vụ y tế công lập (*đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần nghiêm túc trong bảo vệ môi trường (*đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương (*đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công (*đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số công khai kê hoạch sử dụng đất, bảng giá đất (*đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố*).

Một số nguyên nhân dẫn đến Chỉ số PAPI thấp:

- Thứ nhất, một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thật sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt các nội dung về đánh giá, đo lường các Chỉ số thành phần PAPI. Việc triển khai của chính quyền, cụ thể là của UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ và giải pháp khắc phục, nâng cao Chỉ số chưa kịp thời, chưa tập trung trong tổ chức thực hiện.

- Thứ hai, công tác tuyên truyền chưa được đẩy mạnh, người dân chưa cảm nhận được những nỗ lực của các cấp chính quyền trong cải cách hành chính. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn có khi còn chưa đầy đủ, còn mang tính hình thức; một số nội dung cần được công khai, minh bạch chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Thứ ba, một bộ phận cán bộ, công chức ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ chưa cao, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở có nơi chưa đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao chưa đáp ứng nhu cầu mong muốn tổ chức, cá nhân; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân chưa thật sự khéo léo, hài hòa, chưa giải đáp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, khúc mắc của người dân kịp thời, đầy đủ.

- Thứ tư, một bộ phận người dân chưa quan tâm nhiều đến thông tin về chính trị, kinh tế - xã hội, các quy định của pháp luật hoặc một số trường hợp người phỏng vấn là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa khả năng nắm bắt, tiếp cận thông tin còn hạn chế... nên khi phỏng vấn thông tin cung cấp chưa được chính xác đầy đủ... dẫn đến Chỉ số đánh giá chưa cao.

- Thứ năm, việc lựa chọn mẫu điều tra, khảo sát Chỉ số PAPI chưa thật sự phù hợp để đánh giá hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính quyền các cấp của tỉnh; một số địa phương được chọn điều tra còn nằm trong diện điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ dân trí hạn chế và tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, đặc điểm dân cư đặc biệt do đó kết quả khảo sát cũng bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, số lượng phiếu điều tra còn ít (*khảo sát 12 ấp, khu phố của 06 xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành và huyện Bù Gia Mập với tổng số gần 248 phiếu*). Bộ câu hỏi để điều tra, khảo sát đối với người dân dài (*hơn 500 câu hỏi*) và khó đối với những người có trình độ thấp, có thể chưa phản ánh hết ý kiến của người dân..., nên đã phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Chỉ số PAPI của tỉnh.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ

Để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước, từ đó cải thiện Chỉ số PAPI.

Sở Nội vụ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ Báo cáo kết quả Chỉ số PAPI năm 2023, phân tích, đánh giá nguyên nhân, tồn tại, hạn chế thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao Chỉ số PAPI năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân hiểu về Chỉ số PAPI; từ đó tạo sự thay đổi nhận thức về hành chính công, tạo được mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền và người dân.

3. Trách nhiệm cải thiện điểm số PAPI tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể:

a) Chỉ số nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở (*đúng thứ 49/63 tỉnh, thành phố*)

UBND các cấp nhất là UBND các xã, phường, thị trấn:

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cộng đồng dân cư, đảm bảo người dân hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo hướng đi vào thực chất, góp phần xây dựng

chính quyền cơ sở dân chủ, trong sạch, vững mạnh (*Chỉ số thành phần tri thức công dân đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố*).

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân tham gia, nhất là các nội dung như: Vận động Nhân dân tự nguyện tham gia, đóng góp kinh phí xây mới, sửa chữa công trình công cộng...; công khai các khoản đóng góp tự nguyện theo quy định, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch (*Chỉ số thành phần cơ hội tham gia đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố và đóng góp tự nguyện đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố*).

b) Chỉ số nội dung công khai, minh bạch (*đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố*)

- Sở Tư pháp tiếp tục tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch đã được phê duyệt. Theo dõi, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương, đa dạng hóa các hình thức công khai chính sách, pháp luật hiện hành để người dân có cơ hội tiếp cận các thông tin chính sách pháp luật (*Chỉ số thành phần tiếp cận thông tin đứng thứ 17/63 tỉnh, thành phố*).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội theo đúng quy trình, thủ tục quy định (*Chỉ số thành phần công khai danh sách hộ nghèo đứng thứ 53/63 tỉnh, thành phố*).

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tăng cường chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất (*Chỉ số thành phần quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố*); các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư,... Kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình cấp GCNQSD đất...; Tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách về đất đai còn bất cập để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

- UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công khai, minh bạch theo Luật Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Tiếp cận thông tin nhằm đảm bảo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” (*Chỉ số thành phần công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố*).

c) Chỉ số nội dung trách nhiệm giải trình với người dân (*đứng thứ 41/63 tỉnh, thành phố*)

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chú trọng triển khai, bám sát theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, trong đó có nội dung về trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực

hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể hóa việc thực hiện nhiệm vụ giải trình trong nội quy, quy chế làm việc; chỉ đạo, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình trước Nhân dân (*Chỉ số thành phần mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố*).

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo quy định, ban hành quy chế hoạt động, công khai nội quy, lịch tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân, trên trang thông tin điện tử của địa phương; chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai nghiêm túc trách nhiệm giải trình trong nội dung nội quy, quy chế làm việc tại cơ quan; người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm gương mẫu, đôn đốc, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức.

- Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan Nhà nước (*Chỉ số thành phần giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân đứng thứ 44/63 tỉnh, thành phố*).

d) Chỉ số nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (*đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố*)

- Thanh tra tỉnh thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị phụ trách (*Chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố và kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố*).

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công khai, minh bạch về tuyển dụng công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước đảm bảo theo quy định pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, đảm bảo tuyển dụng được những người có năng lực vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước (*Chỉ số thành phần công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*).

e) Chỉ số nội dung thủ tục hành chính công (*đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố*)

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số.

- UBND các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh giải quyết tốt các TTHC trên các lĩnh vực liên quan đến người dân như: Chứng thực, xác nhận của chính quyền, đất đai, cấp giấy phép xây dựng, các TTHC cấp xã; tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đã được quy định trong khâu hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết

hồ sơ. Thực hiện niêm yết công khai các TTHC đã được UBND tỉnh công bố tại trụ sở, trên trang thông tin điện tử địa phương và tại nơi đông người (*nhà văn hóa cộng đồng, ...*). Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hạn hồ sơ trong giải quyết TTHC, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân; xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, những nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp (*Chỉ số thành phần dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền đứng thứ 33/63 tỉnh, thành phố và thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố*).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ công do UBND cấp xã cung cấp để nâng cao chất lượng phục vụ; tăng cường theo dõi, giám sát hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (*Chỉ số thành phần dịch vụ hành chính cấp xã đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố*).

g) Chỉ số nội dung cung ứng dịch vụ công (*đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố*)

- Sở Y tế chủ trì triển khai các giải pháp cụ thể, đồng bộ nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của ngành, cải tiến quy trình khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin ngành y tế nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC. Tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực ngành y tế, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống Bệnh viện công lập cấp huyện (*Chỉ số thành phần dịch vụ y tế công lập đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*).

- Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức (*Chỉ số thành phần dịch vụ giáo dục tiểu học công lập đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố*).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh (*Chỉ số thành phần cơ sở hạ tầng căn bản đứng thứ 46/63 tỉnh, thành phố*).

- Công an tỉnh chủ trì triển khai các giải pháp giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư thông qua triển khai thực hiện nghiêm túc các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự; không để xảy ra các hoạt động côn đồ và các loại tội phạm mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc (*Chỉ số thành phần an ninh, trật tự khu dân cư đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố*).

h) Chỉ số nội dung quản trị môi trường (*đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố*)

- Các cấp chính quyền quan tâm hơn đến chất lượng nguồn nước và không khí để có những hành động kịp thời, trong đó cần huy động người dân tham gia

cải thiện điều kiện môi trường sinh sống tại khu dân cư (*Chỉ số thành phần nghiêm túc trong bảo vệ môi trường đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố*).

- Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các hành vi không tuân thủ cam kết bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trên địa bàn. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường để chủ động trong công tác kiểm soát, cảnh báo chất lượng môi trường không khí (*Chỉ số thành phần chất lượng không khí, chất lượng nước đứng lần lượt vị trí thứ 53/63 và 52/63 tỉnh, thành phố*).

i) Chỉ số nội dung quản trị điện tử (*đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố*)

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục tham mưu nâng cao hiệu quả xây dựng chính quyền số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử. Bổ sung các tiện ích phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công tỉnh; có giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ kê khai hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nộp trực tuyến được dễ dàng thuận lợi (*Chỉ số thành phần tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố*).

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn tiếp tục tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các cấp trong việc khai thác tìm hiểu những chính sách, pháp luật của tỉnh, của các địa phương (*Chỉ số thành phần sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương đứng thứ 08/63 tỉnh, thành phố và phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố*).

4. UBND thành phố Đồng Xoài, UBND thị xã Chơn Thành và UBND huyện Bù Gia Mập (*địa phương được lựa chọn tiến hành điều tra, khảo sát Chỉ số PAPI năm 2023*) căn cứ vào kết quả Chỉ số PAPI năm 2023 phân tích, nguyên nhân tồn tại hạn chế các nội dung thành phần giảm điểm, điểm thấp xây dựng Kế hoạch khắc phục cải thiện, nâng cao Chỉ số nội dung và Chỉ số thành phần đạt điểm thấp, trung bình thấp và duy trì, giữ vững Chỉ số nội dung và Chỉ số thành phần đạt điểm cao (*hoàn thành trước ngày 26/4/2024*).

5. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước có trách nhiệm

Tuyên truyền về các nội dung, nội dung thành phần của Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh. Tổ chức tuyên truyền kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh, mục đích, ý nghĩa, giải pháp để cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh. Đổi mới các hình thức tuyên truyền, các chương trình, chuyên mục nhằm thu hút sự chú ý lắng nghe, quan tâm tìm hiểu của người dân đối với các nội dung về Chỉ số PAPI.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân; tiếp thu, giải thích kịp thời các kiến nghị của người dân; tăng cường hiệu quả các thiết chế đảm bảo trách nhiệm giải trình của chính quyền với người dân; đồng thời lồng ghép với công tác dân vận để người dân cùng phối hợp thực hiện.

b) Phối hợp trong việc nâng cao Chỉ số PAPI. Đồng thời, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phối hợp với UBND cùng cấp trong việc tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chỉ số PAPI; trách nhiệm của hệ thống chính trị trong việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI.

Trên đây là Báo cáo kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT - TH và Báo Bình Phước;
- GD, các PGĐ Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thị Bé Năm